

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DU LỊCH XUẤT NHẬP KHẨU
VIETCD**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DU LỊCH XUẤT NHẬP KHẨU VIETCD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETCD TRADING TOURISM IMPORT EXPORT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETCD JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3702971865

3. Ngày thành lập: 15/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 39, Đường D3, KDC Thanh Lễ, Khu 8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0909 640 646

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch	7990
2.	Cơ sở lưu trú khác	5590
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục visa, hộ chiếu; Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa	5229
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke)	5510
5.	Quảng cáo	7310
6.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
7.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô.	4932
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (tổ chức sự kiện, lễ hội đường phố, triển lãm).	8230
9.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh lữ hành quốc tế.	7912
10.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921

11.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
12.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
13.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
14.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
15.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
16.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
17.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản, thức ăn chăn nuôi (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn cây giống các loại.	4620
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) nguyên liệu, vật tư, phân bón các loại.	4669
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị.	4659(Chính)
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy.	4663
21.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh, - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.	8299
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
24.	Dịch vụ đóng gói	8292
25.	Bốc xếp hàng hóa	5224
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
31.	Bán buôn đồ uống	4633
32.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
49.	Thu gom rác thải độc hại	3812
50.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
51.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
52.	Tái chế phế liệu	3830
53.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
55.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
57.	Xuất bản sách	5811
58.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ	5812
59.	Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ	5813
60.	Hoạt động xuất bản khác	5819
61.	Xuất bản phần mềm	5820
62.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
63.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
64.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720
65.	Hoạt động chăm sóc sức khoẻ người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
66.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
68.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
69.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
70.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
72.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
73.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
74.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
75.	Đại lý du lịch	7911

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN ĐỨC HẢI	Số 1084/14 Lê Đức Thọ, Phường 13, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	079059009465	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	NGUYỄN MINH TIẾN	Số 4/20 Đặng Trần Côn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	023593493	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		

3	HUỖNH NGUYỄN KHANG DUY	Khu 8, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	280770738
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	
4	NGUYỄN TẤN DUY CHÍ	Khu phố 3, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	281025479
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TẤN DUY CHÍ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/07/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *281025479*

Ngày cấp: *23/07/2014*

Nơi cấp: *Công an Bình Dương*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố 3, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu phố 3, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương*